

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-01-2025.

V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con và về cấp dưỡng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Hoa.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phương T – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Võ Trường T1, sinh năm: 1992 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ D, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Chị Võ Thị Mỹ H, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ D, thôn Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Võ Trường T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Trường T1 và chị Võ Thị Mỹ H chung sống với nhau vào đầu năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa -

Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108, ngày 04/10/2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán. Sau khi, kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không tìm cách hàn gắn tình cảm mà để mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T1 yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Võ Ngọc Khánh H1, sinh ngày 01/7/2017, hiện cháu đang ở với chị H. Theo nguyện vọng của con được ở với mẹ nên anh T1 đồng ý giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Võ Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Theo kết quả xác minh chị Võ Thị Mỹ H đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ D, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và hiện đang sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn anh Võ Trường T1 vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Võ Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì thêm; không ai cung cấp thêm cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Trường T1 về việc xin ly hôn với chị Võ Thị Mỹ H. Giao cháu Võ Ngọc Khánh H1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và ghi nhận việc anh T1 cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng anh Võ Trường T1 yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng đối với chị Võ Thị Mỹ H được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 và chị H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo anh T1, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T1 yêu cầu được ly hôn. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng chị H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì. Trong khi đó, anh T1 cho rằng mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không giải quyết được nên yêu cầu được ly hôn, còn chị H cố tình vắng mặt. Xét thấy, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên anh T1 yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu Võ Ngọc Khánh H1 được ở với mẹ và anh T1 đồng ý giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Xét thấy hiện nay cháu H1 đang ở với chị H và có nguyện vọng được ở với mẹ, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của con nên giao cho chị H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng: Chị H không có ý kiến gì, nhưng trong quá trình tố tụng anh T1 tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng nên ghi nhận.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh T1 là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Trường T1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng”.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Trường T1 được ly hôn với chị Võ Thị Mỹ H.

- Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc Khánh H1, sinh ngày 01/7/2017 cho chị Võ Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Võ Trường T1 phải cấp dưỡng cho cháu Võ Ngọc Khánh H1 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi trưởng thành, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01 năm 2025.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

**2. Án phí sơ thẩm:** Buộc anh Võ Trường T1 phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng phải nộp 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001097 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, anh Võ Trường T1 phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

**3. Quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**4.** “Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự” ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- CCTHA dân sự huyện Châu Đức;
- UBND xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức (số 108 ngày 04/10/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án....

**Võ Hoàng Đức**